



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**

*Thành viên của PrimeGlobal*

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ  
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

	Trang
--	-------

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	9 - 36



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 đã được soát xét.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 028.8554 645 - 028.8553 118
- Fax: (84) 028.8564 307
- Website: [www.stb.com.vn](http://www.stb.com.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Công ty có 3 đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương).
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

### Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông	780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.	Giáo dục	52,77%

### **Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 261 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 18 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này gồm có:

### Hội đồng quản trị

- |                        |            |  |
|------------------------|------------|--|
| • Ông Nguyễn Chí Bính  | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 24/04/2019                               |
| • Ông Lê Huy           | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 06/10/2017<br>Miễn nhiệm ngày 24/04/2019 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24/04/2019                               |
| • Ông Từ Trung Đan     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 06/10/2017                               |
| • Ông Phan Xuân Hiến   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 14/04/2018                               |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015                               |
| • Ông Trần Lê Quang    | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015<br>Miễn nhiệm ngày 24/04/2019 |

### Ban Kiểm soát

- |                     |            |                              |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai  | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015     |
| • Ông Vũ Văn Hà     | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 07/06/2015     |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

### Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- |                          |                   |                              |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan       | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 11/11/2016     |
| • Ông Phan Xuân Hiến     | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Đỗ Thị Thanh Bình   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 19/09/2018     |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

### Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78 – 80, Đường 30 Tháng 4, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 236.3655886; Fax: (84) 236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 30/06/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2019





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 957/BCSX-AAC

### BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ lập ngày 12/08/2019 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

#### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKKH Kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2019

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 4, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>158.802.682.361</b>	<b>103.603.971.637</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>8.723.036.501</b>	<b>22.409.903.318</b>
1. Tiền	111		8.596.777.600	7.216.279.894
2. Các khoản tương đương tiền	112		126.258.901	15.193.623.424
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.345.312.590</b>	<b>2.282.375.309</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.a	2.345.312.590	2.282.375.309
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>72.874.195.706</b>	<b>40.999.508.678</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	68.405.970.116	40.453.502.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	3.316.664.737	165.925.010
3. Các khoản phải thu khác	136	9	1.263.279.365	547.108.178
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(236.448.673)	(167.027.118)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		124.730.161	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>73.540.999.853</b>	<b>36.001.487.820</b>
1. Hàng tồn kho	141		74.577.930.006	37.174.243.354
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.036.930.153)	(1.172.755.534)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.319.137.711</b>	<b>1.910.696.512</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	1.317.137.711	1.837.125.925
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	2.000.000	73.570.587
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			<b>49.779.291.646</b>	<b>51.697.546.782</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.000.000</b>	<b>11.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		12.000.000	11.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>37.814.871.002</b>	<b>38.330.872.516</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	37.613.918.223	38.327.678.061
- Nguyên giá	222		65.370.591.992	64.058.013.538
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.756.673.769)	(25.730.335.477)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	200.952.779	3.194.455
- Nguyên giá	228		249.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.047.221)	(26.805.545)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>400.000.000</b>	<b>940.000.000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	400.000.000	940.000.000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>490.000.000</b>	<b>490.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	490.000.000	490.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.062.420.644</b>	<b>11.925.674.266</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	11.051.309.532	11.908.502.548
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		11.111.112	17.171.718
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>208.581.974.007</b>	<b>155.301.518.419</b>

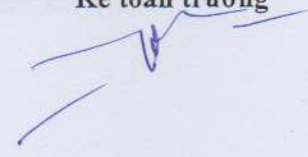


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

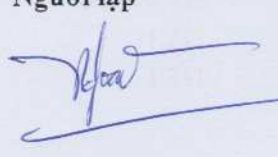
Ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>95.226.112.783</b>	<b>41.264.859.333</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>95.226.112.783</b>	<b>41.264.859.333</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	77.568.385.674	13.515.264.638
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		703.371.399	915.539.854
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	17	904.662.431	697.068.518
4. Phải trả người lao động	314		8.137.308.099	15.435.220.486
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.523.498.087	2.723.344.864
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		669.683.080	1.465.675.080
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	756.048.928	717.239.995
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.963.155.085	5.795.505.898
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>113.355.861.224</b>	<b>114.036.659.086</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>113.355.861.224</b>	<b>114.036.659.086</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	20	6.538.767.315	6.538.767.315
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	26.474.012.931	26.474.012.931
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	7.208.597.791	7.710.502.129
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		345.313.129	324.428.281
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.863.284.662	7.386.073.848
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	21	2.717.486.963	2.896.380.487
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>208.581.974.007</b>	<b>155.301.518.419</b>

**Tổng Giám đốc**  
  
Tư Trung Đan

**Kế toán trưởng**  


Huỳnh Thị Bích Hạnh

**Người lập**  


Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2019



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2019	năm 2018
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ	01	23	198.967.967.782	170.098.940.283
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	319.892.388	639.296.529
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ	10		198.648.075.394	169.459.643.754
4. Giá vốn hàng bán	11	25	163.824.905.068	136.142.336.312
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		<u>34.823.170.326</u>	<u>33.317.307.442</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	282.169.702	375.620.915
7. Chi phí tài chính	22	27	77.559.346	505.652.746
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		77.559.346	505.652.746
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	28.a	10.360.190.149	9.556.404.362
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	16.975.269.441	15.403.500.019
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>7.692.321.092</u>	<u>8.227.371.230</u>
12. Thu nhập khác	31	29	231.319.427	402.845.822
13. Chi phí khác	32		33.856	8.170
14. Lợi nhuận khác	40		<u>231.285.571</u>	<u>402.837.652</u>
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>7.923.606.663</u>	<u>8.630.208.882</u>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	862.654.919	972.778.039
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		6.060.606	6.060.606
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>7.054.891.138</u>	<u>7.651.370.237</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		6.863.284.662	7.385.295.188
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		191.606.476	266.075.049
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.211	1.304
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	1.211	1.304



Tổng Giám đốc

Trần Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2019

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2019

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2019	năm 2018
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.923.606.663	8.630.208.882
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	13,14	2.047.579.968	1.973.570.204
- Các khoản dự phòng	03		(66.403.826)	76.730.193
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(11.108)	(31.711)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(200.157.531)	(152.405.275)
- Chi phí lãi vay	06		77.559.346	505.652.746
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		9.782.173.512	11.033.725.039
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.916.155.991)	(21.389.975.829)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.403.686.652)	(28.649.513.894)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		54.345.073.526	35.959.527.897
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	12	1.377.181.230	888.510.161
- Tiền lãi vay đã trả	14		(77.559.346)	(502.483.675)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(341.203.595)	(297.905.034)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		153.680.656	97.040.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(986.031.469)	(2.052.752.830)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>(5.066.528.129)</b>	<b>(4.913.828.165)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	13,14,15	(1.077.992.554)	(838.139.272)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(62.937.281)	(58.058.356)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		255.619.039	204.288.295
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(885.310.796)</b>	<b>(691.909.333)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.931.546.421	40.538.164.900
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.931.546.421)	(37.677.690.400)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	19;20	(7.735.039.000)	(7.766.239.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(7.735.039.000)</b>	<b>(4.905.764.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(13.686.877.925)</b>	<b>(10.511.501.998)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	22.409.903.318	14.499.070.592
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		11.108	31.711
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>8.723.036.501</b>	<b>3.987.600.305</b>



Tổng Giám đốc  
Lư Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2019



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

#### 1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tái cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty không tái cấu trúc.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông**

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

##### 4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

##### 4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

##### 4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### **4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ảnh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

#### ***Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác***

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

### *Dự phòng*

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### 4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

### 4.9 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

### **4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.
- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê

### **4.11 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.13 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty bao gồm các khoản sau:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)** (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước;
- Doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thông. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty phải thực hiện trong tương lai.

### **4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.15 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

#### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

### **4.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.22 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

#### *Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ*

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

#### *Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông*

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Công ty con phát sinh thu nhập chịu thuế từ năm 2010. Theo đó, Công ty con áp dụng miễn thuế 4 năm (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% trong 5 năm (từ năm 2014 đến năm 2018). Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**4.24 Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2019	01/01/2019
Tiền mặt	779.041.567	102.719.362
Tiền gửi ngân hàng	7.817.736.033	7.113.560.532
Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng	126.258.901	15.193.623.424
<b>Cộng</b>	<b>8.723.036.501</b>	<b>22.409.903.318</b>

**6. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	2.345.312.590	-	2.282.375.309	-
<b>Cộng</b>	<b>2.345.312.590</b>	<b>-</b>	<b>2.282.375.309</b>	<b>-</b>

Tại thời điểm 30/06/2019, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

**b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2019				01/01/2019	
	Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>490.000.000</b>	<b>-</b>	<b>490.000.000</b>	<b>-</b>

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định với kết quả kinh doanh lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.
- Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**7. Phải thu ngắn hạn khách hàng**

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	966.578.704	1.155.589.043
Công ty CP Sách & Thiết bị Trường học Tiền Giang	110.308.225	362.831.554
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	221.970.888	36.011.119
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	222.621.231	775.805.800
Công ty Cổ phần Học Liệu	424.185.532	-
Công ty TNHH MTV Nam Gia	3.936.703.821	5.029.881.778
Các đối tượng khác	62.523.601.715	33.093.383.314
<b>Cộng</b>	<b>68.405.970.116</b>	<b>40.453.502.608</b>

**Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư	966.578.704	1.155.589.043
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư	222.621.231	775.805.800
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	-	729.225.487
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	110.308.225	362.831.554
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư	25.144.132	110.081.718
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	221.970.888	36.011.119
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	424.185.532	-
<b>Cộng</b>		<b>1.970.808.712</b>	<b>3.169.544.721</b>

**8. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh	1.324.941.831	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.713.399.886	-
Các đối tượng khác	278.323.020	165.925.010
<b>Cộng</b>	<b>3.316.664.737</b>	<b>165.925.010</b>

**Trong đó: Trả trước cho người bán là bên liên quan**

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	1.713.399.886	-
<b>Cộng</b>		<b>1.713.399.886</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**9. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	26.933.697	-	82.395.205	-
Tạm ứng	656.433.555	-	233.240.000	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Phải thu khác	569.912.113	-	221.472.973	-
<b>Cộng</b>	<b>1.263.279.365</b>	<b>-</b>	<b>547.108.178</b>	<b>-</b>

**10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	30/06/2019	01/01/2019
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	(144.863.175)	(45.625.978)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(79.992.448)	(121.401.140)
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	(11.593.050)	-
<b>Cộng</b>	<b>(236.448.673)</b>	<b>(167.027.118)</b>

**11. Hàng tồn kho**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.810.395.879	(50.818.873)	9.804.187.574	(50.818.873)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.302.706.747	-	1.056.514.179	-
Thành phẩm	16.724.055.885	(128.988.462)	10.043.572.201	(149.528.242)
Hàng hóa	45.740.771.495	(857.122.818)	16.269.969.400	(972.408.419)
<b>Cộng</b>	<b>74.577.930.006</b>	<b>(1.036.930.153)</b>	<b>37.174.243.354</b>	<b>(1.172.755.534)</b>

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 30/06/2019 là 1.235.175.422 đồng.

Tại thời điểm 30/06/2019, không có hàng tồn kho đem cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**12. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	141.798.667	297.689.110
Chi phí ngoại khóa	-	248.709.311
Chi phí sửa chữa	523.962.247	546.928.058
Chi phí bảo hiểm	92.736.630	117.956.790
Chi phí trả trước khác	558.640.167	625.842.656
<b>Cộng</b>	<b>1.317.137.711</b>	<b>1.837.125.925</b>

**b. Dài hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	579.471.241	725.469.730
Chi phí phân bổ tại 223 Nguyễn Tri Phương	595.131.951	993.704.265
Chi phí phân bổ tại 104/5 Mai Thị Lựu	2.115.162.370	2.027.730.976
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông)	617.195.350	911.269.541
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.103.468.535	7.198.181.451
Chi phí trả trước dài hạn khác	40.880.085	52.146.585
<b>Cộng</b>	<b>11.051.309.532</b>	<b>11.908.502.548</b>

(\*) Thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	45.506.140.576	9.524.513.399	7.734.906.511	1.292.453.052	64.058.013.538
Tăng trong kỳ	-	146.953.000	1.073.890.909	91.734.545	1.312.578.454
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>45.506.140.576</b>	<b>9.671.466.399</b>	<b>8.808.797.420</b>	<b>1.384.187.597</b>	<b>65.370.591.992</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	13.335.284.803	7.757.570.245	3.658.296.806	979.183.623	25.730.335.477
Tăng trong kỳ	918.145.444	468.631.455	572.066.603	67.494.790	2.026.338.292
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>14.253.430.247</b>	<b>8.226.201.700</b>	<b>4.230.363.409</b>	<b>1.046.678.413</b>	<b>27.756.673.769</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	32.170.855.773	1.766.943.154	4.076.609.705	313.269.429	38.327.678.061
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31.252.710.329</b>	<b>1.445.264.699</b>	<b>4.578.434.011</b>	<b>337.509.184</b>	<b>37.613.918.223</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 30/06/2019.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 9.703.043.350 đồng.

**14. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán	Phần mềm Website	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	-	30.000.000	30.000.000
Mua trong kỳ	219.000.000	-	219.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>219.000.000</b>	<b>30.000.000</b>	<b>249.000.000</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	-	26.805.545	26.805.545
Khấu hao trong kỳ	18.047.221	3.194.455	21.241.676
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>18.047.221</b>	<b>30.000.000</b>	<b>48.047.221</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	-	3.194.455	3.194.455
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>200.952.779</b>	<b>-</b>	<b>200.952.779</b>

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2019	01/01/2019
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	-	540.000.000
Chi phí tư vấn pháp lý công trình 104/5 Mai Thị Lựu	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>400.000.000</b>	<b>940.000.000</b>

**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	44.690.890.153	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	21.264.130.430	32.045.241
Các đối tượng khác	11.613.365.091	13.483.219.397
<b>Cộng</b>	<b>77.568.385.674</b>	<b>13.515.264.638</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2019	01/01/2019
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	44.690.890.153	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư	21.264.130.430	32.045.241
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty nhận đầu tư	114.740.100	425.142.780
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	25.484.475	39.165.465
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	77.723.664
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	-	23.100.814
<b>Cộng</b>		<b>66.095.245.158</b>	<b>597.177.964</b>

**17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu			Phải nộp	Phải thu
Thuế giá trị gia tăng	234.518.317	-	785.099.421	831.779.483	187.838.255	-
Thuế nhập khẩu	-	-	9.741.439	9.741.439	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	73.570.587	862.654.919	341.203.595	447.880.737	-
Thuế thu nhập cá nhân	462.550.201	-	1.376.048.546	1.569.655.308	268.943.439	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.084.259.207	2.084.259.207	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	13.000.000	-	2.000.000
<b>Cộng</b>	<b>697.068.518</b>	<b>73.570.587</b>	<b>5.128.803.532</b>	<b>4.849.639.032</b>	<b>904.662.431</b>	<b>2.000.000</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2019	01/01/2019
Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng	1.289.515.706	2.327.772.864
Trích trước chi phí khác	233.982.381	395.572.000
<b>Cộng</b>	<b>1.523.498.087</b>	<b>2.723.344.864</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2019	01/01/2019
Kinh phí công đoàn	23.066.100	9.337.032
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	223.000.000	203.000.000
Cổ tức phải trả	41.767.557	41.117.557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	468.215.271	463.785.406
<i>Tài sản thừa chờ xử lý</i>	142.937.147	-
<i>Thu lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</i>	302.000.000	440.800.000
<i>Phải trả khác</i>	23.278.124	22.985.406
<b>Cộng</b>	<b>756.048.928</b>	<b>717.239.995</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND
Số tại 01/01/2018	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	21.588.170.127	7.689.617.281
Tăng trong năm	-	-	-	4.885.842.804	16.547.679.899
Giảm trong năm	-	-	-	-	16.526.795.051
<b>Số tại 31/12/2018</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>6.538.767.315</b>	<b>26.474.012.931</b>	<b>7.710.502.129</b>
Số tại 01/01/2019	56.655.300.000	13.761.696.224	6.538.767.315	26.474.012.931	7.710.502.129
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	6.863.284.662
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.365.189.000
<b>Số tại 30/06/2019</b>	<b>56.655.300.000</b>	<b>13.761.696.224</b>	<b>6.538.767.315</b>	<b>26.474.012.931</b>	<b>7.208.597.791</b>

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2019 Cổ phiếu	01/01/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu thường</i>	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu thường</i>	5.665.530	5.665.530
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	7.710.502.129	7.689.617.281
Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ	6.863.284.662	7.385.295.188
Phân phối lợi nhuận năm trước	7.365.189.000	7.365.189.000
+ Chia cổ tức	7.365.189.000	7.365.189.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>7.208.597.791</b>	<b>7.709.723.469</b>

**21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	2.896.380.487	2.921.080.487
Điều chỉnh LICĐTS năm trước	-	-
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	191.606.476	266.075.049
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	370.500.000	395.200.000
- Giảm do chia cổ tức	370.500.000	395.200.000
<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày cuối kỳ</b>	<b>2.717.486.963</b>	<b>2.791.955.536</b>

**22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**a. Ngoại tệ các loại**

	30/06/2019	01/01/2019
Ngoại tệ (USD)	499,62	499,62

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhì	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	494.468.938	Không còn khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>608.882.678</b>	



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	123.914.178.792	91.456.331.342
Doanh thu thiết bị giáo dục	61.735.594.396	65.800.735.041
Doanh thu hoạt động dạy học	12.024.844.600	11.960.283.000
Doanh thu khác	1.293.349.994	881.590.900
<b>Cộng</b>	<b>198.967.967.782</b>	<b>170.098.940.283</b>

**24. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Hàng bán bị trả lại	319.892.388	639.296.529
<b>Cộng</b>	<b>319.892.388</b>	<b>639.296.529</b>

**25. Giá vốn hàng bán**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Giá vốn sách và sản phẩm in	112.508.360.644	82.388.928.113
Giá vốn thiết bị giáo dục	42.667.258.634	45.004.013.600
Giá vốn hoạt động dạy học	7.804.819.044	8.180.646.492
Giá vốn khác	980.292.127	650.106.209
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(135.825.381)	(81.358.102)
<b>Cộng</b>	<b>163.824.905.068</b>	<b>136.142.336.312</b>

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	141.357.531	93.605.275
Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia	58.800.000	58.800.000
Chiết khấu thanh toán được hưởng	81.969.703	223.098.229
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	11.108	31.711
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	31.360	85.700
<b>Cộng</b>	<b>282.169.702</b>	<b>375.620.915</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**27. Chi phí tài chính**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí lãi vay	77.559.346	505.652.746
<b>Cộng</b>	<b>77.559.346</b>	<b>505.652.746</b>

**28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

**a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương, các khoản trích theo lương	6.933.994.262	5.986.746.697
Khấu hao Tài sản cố định	231.490.476	186.592.032
Chi phí vận chuyển	820.696.422	943.850.630
Tiền thuê đất	800.467.272	817.991.280
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	329.356.792	466.507.009
Các khoản khác	1.244.184.925	1.154.716.714
<b>Cộng</b>	<b>10.360.190.149</b>	<b>9.556.404.362</b>

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Tiền lương, trích theo lương	10.938.086.383	9.529.835.666
Khấu hao TSCĐ	527.914.085	483.995.031
Thù lao HĐQT	422.000.000	475.400.000
Tiền thuê đất	336.108.889	391.797.828
Các khoản khác	4.751.160.084	4.522.471.494
<b>Cộng</b>	<b>16.975.269.441</b>	<b>15.403.500.019</b>

**29. Thu nhập khác**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	-	18.402.067
Thanh lý công cụ hư hỏng	12.673.187	14.969.543
Cho thuê mặt bằng	204.331.817	335.293.676
Các khoản khác	14.314.423	34.180.536
<b>Cộng</b>	<b>231.319.427</b>	<b>402.845.822</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>7.923.606.663</b>	<b>8.630.208.882</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	7.488.887.157	7.624.656.615
- Hoạt động khác không được ưu đãi	434.719.506	1.005.552.267
<b>Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN</b>	<b>163.870.919</b>	<b>214.879.818</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	252.985.057	304.014.559
+ Chi phí không được trừ	252.985.057	304.014.559
- Các khoản điều chỉnh giảm	89.114.138	89.134.741
+ Cổ tức được chia	58.800.000	58.800.000
+ Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.108	31.711
+ Lợi nhuận đã thực hiện	30.303.030	30.303.030
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>8.087.477.582</b>	<b>8.845.088.700</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	7.548.405.977	7.718.146.845
- Hoạt động khác không được ưu đãi	539.071.605	1.126.941.855
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>862.654.919</b>	<b>997.203.055</b>
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	754.840.598	771.814.684
- Hoạt động khác không được ưu đãi	107.814.321	225.388.371
<b>Thuế TNDN được giảm (ưu đãi tại Công ty con)</b>	<b>-</b>	<b>24.425.016</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>862.654.919</b>	<b>972.778.039</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	862.654.919	972.778.039
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

**31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.863.284.662	7.385.295.188
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.863.284.662	7.385.295.188
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.665.530	5.665.530
<b>Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.211</b>	<b>1.304</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.560.113.449	19.202.686.405
Chi phí nhân công	25.377.299.470	23.377.227.196
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.047.579.968	1.973.570.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.585.837.773	8.897.748.330
Chi phí khác bằng tiền	4.753.803.810	4.761.779.119
<b>Cộng</b>	<b>62.324.634.470</b>	<b>58.213.011.254</b>

**33. Báo cáo bộ phận**

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6 tháng đầu năm 2019	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	12.024.844.600	61.735.594.396	125.207.528.786	198.967.967.782
Các khoản giảm trừ	-	105.256.342	214.636.046	319.892.388
Giá vốn hàng bán	7.804.819.044	42.640.781.238	113.379.304.786	163.824.905.068
Chi phí bán hàng	-	6.428.601.405	3.931.588.744	10.360.190.149
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.402.438.155	8.422.077.299	5.150.753.987	16.975.269.441
Chi phí lãi vay thuần	(69.346.413)	(8.970.847)	14.519.075	(63.798.185)
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	75.164.824	65.647.347	140.812.171
Thu nhập khác	-	-	231.319.427	231.319.427
Chi phí khác	-	-	33.856	33.856
<b>Lãi (lỗ) trong công ty liên kết</b>				-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>886.933.814</b>	<b>4.223.013.782</b>	<b>2.813.659.067</b>	<b>7.923.606.663</b>
<b>Tài sản và Nợ phải trả tại 30/06/2019</b>				
Phải thu của khách hàng	1.134.465.218	27.081.893.794	39.953.162.431	68.169.521.443
Hàng tồn kho	249.667.044	43.779.440.899	29.511.891.910	73.540.999.853
Tài sản cố định hữu hình				37.814.871.002
- Tài sản cố định HH của bộ phận	886.075.088	19.036.746.278	-	19.922.821.366
+ Nguyên giá	1.673.390.908	35.707.061.399	-	37.380.452.307
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(787.315.820)	(16.670.315.121)	-	(17.457.630.941)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.892.049.636
+ Nguyên giá	-	-	-	28.239.139.685
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(10.347.090.049)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	29.056.581.709
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>208.581.974.007</b>
Phải trả người bán	321.263.326	8.335.645.450	68.911.476.898	77.568.385.674
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	17.657.727.109
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>95.226.112.783</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6 tháng đầu 2018	Hoạt động dạy học	Thiết bị giáo dục	In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác	Tổng
Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ	11.960.283.000	65.800.735.041	92.337.922.242	170.098.940.283
Các khoản giảm trừ	-	548.818.155	90.478.374	639.296.529
Giá vốn hàng bán	8.180.646.492	45.004.013.600	82.957.676.220	136.142.336.312
Chi phí bán hàng	-	6.550.860.145	3.005.544.217	9.556.404.362
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.844.604.354	8.609.050.638	3.949.845.027	15.403.500.019
Chi phí lãi vay thuần	(58.627.320)	21.095.559	449.579.232	412.047.471
Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác	-	60.759.008	221.256.632	282.015.640
Thu nhập khác	-	18.327.527	384.518.295	402.845.822
Chi phí khác	-	-	8.170	8.170
<b>Lãi (lỗ) trong công ty liên kết</b>				-
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>993.659.474</b>	<b>5.145.983.479</b>	<b>2.490.565.929</b>	<b>8.630.208.882</b>
<b>Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2018</b>				
Phải thu của khách hàng	866.338.218	36.557.548.420	2.862.588.852	40.286.475.490
Hàng tồn kho	279.628.698	31.963.544.138	3.758.314.984	36.001.487.820
Tài sản cố định	-	-	-	38.330.872.516
- Tài sản cố định HH của bộ phận	996.750.974	19.964.933.320	-	20.961.684.294
+ Nguyên giá	1.673.390.908	35.468.373.854	-	37.141.764.762
+ Giá trị hao mòn lũy kế	(676.639.934)	(15.503.440.534)	-	(16.180.080.468)
- Tài sản cố định không phân bổ	-	-	-	17.369.188.222
+ Nguyên giá	-	-	-	26.946.248.776
+ Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	(9.577.060.554)
Tài sản khác không phân bổ	-	-	-	40.682.682.593
<b>Tổng Tài sản</b>				<b>155.301.518.419</b>
Phải trả người bán	309.028.740	10.016.598.300	3.189.637.598	13.515.264.638
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	27.749.594.695
<b>Tổng Nợ phải trả</b>				<b>41.264.859.333</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 34. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về tỷ giá*

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	30/06/2019	01/01/2019
	USD	USD
Tài sản tài chính (Tiền gửi ngân hàng)	499,62	499,62

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

30/06/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	77.568.385.674	-	77.568.385.674
Chi phí phải trả	1.523.498.087	-	1.523.498.087
Phải trả khác	590.045.681	-	590.045.681
<b>Cộng</b>	<b>79.681.929.442</b>	<b>-</b>	<b>79.681.929.442</b>
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	13.515.264.638	-	13.515.264.638
Chi phí phải trả	2.723.344.864	-	2.723.344.864
Phải trả khác	707.902.963	-	707.902.963
<b>Cộng</b>	<b>16.946.512.465</b>	<b>-</b>	<b>16.946.512.465</b>

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	8.723.036.501	-	8.723.036.501
Phải thu khách hàng	68.169.521.443	-	68.169.521.443
Đầu tư tài chính	2.345.312.590	490.000.000	2.835.312.590
Phải thu khác	606.845.810	12.000.000	618.845.810
<b>Cộng</b>	<b>79.844.716.344</b>	<b>502.000.000</b>	<b>80.346.716.344</b>
01/01/2019	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và khoản tương đương tiền	22.409.903.318	-	22.409.903.318
Phải thu khách hàng	40.286.475.490	-	40.286.475.490
Đầu tư tài chính	2.282.375.309	490.000.000	2.772.375.309
Phải thu khác	313.868.178	11.000.000	324.868.178
<b>Cộng</b>	<b>65.292.622.295</b>	<b>501.000.000</b>	<b>65.793.622.295</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**35. Các cam kết thuê hoạt động**

Đến thời điểm 30/06/2019, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m<sup>2</sup> đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m<sup>2</sup> đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m<sup>2</sup> đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m<sup>2</sup> đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m<sup>2</sup> đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

**36. Thông tin về các bên liên quan**

**a. Các bên liên quan**

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ**

Giao dịch	Nội dung	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
<b>Mua hàng</b>			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	-	40.997.727
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng SGK, STK, bìa bao	91.182.319.890	63.693.780.861
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	10.360.000	19.628.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách, Văn hóa phẩm	42.360.200.715	33.374.374.785
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Bản đồ	1.128.235.003	1.822.601.401
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Mua sách	208.876.450	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng STK	46.319.010	56.661.340
<b>Bán hàng</b>			
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	3.576.700.170	3.747.804.119
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thiết bị	-	68.559.382
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	457.646.346	489.320.299
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Sách, thiết bị	5.124.195.526	2.957.055.315
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định	Thiết bị	22.901.967	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Thiết bị	345.087.728	643.535.913
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Sách, thiết bị	620.148.735	981.426.760
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Thiết bị	1.844.783.189	1.954.989.793

**c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt**

	Nội dung	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018
Hội đồng quản trị	Thù lao	368.800.000	382.400.000
Ban Tổng Giám đốc	Thu nhập	1.358.689.400	898.317.396

**37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**  
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**38. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi AAC.



**Ông Giám đốc**

**Từ Trung Đan**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2019

**Kế toán trưởng**

**Huỳnh Thị Bích Hạnh**

**Người lập biểu**

**Võ Thị Ngọc Hoanh**